

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Phòng chống thiên tai
và thủy lợi thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kế hoạch số 93-KH/TU ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung, giải pháp của Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, giải pháp của Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg và kế hoạch thực hiện được phê

duyet tại Quyết định số 145/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm cụ thể hóa các phương án thực hiện Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thông qua việc kết hợp lồng ghép với kế hoạch của các ngành, lĩnh vực trong thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm bảo đảm cấp nước, tiêu, thoát nước cho dân sinh, sản xuất nông nghiệp, các ngành kinh tế và bảo vệ môi trường; phát triển hạ tầng phòng, chống, thiên tai và thủy lợi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển ở thượng nguồn các sông liên quốc gia.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện Quy hoạch. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, phân công trách nhiệm đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch đã đề ra.

- Vận dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương; xây dựng và thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp huy động nguồn lực và thu hút đầu tư để thực hiện có hiệu quả Quy hoạch.

- Xây dựng lộ trình, phân kỳ đầu tư và xác định rõ nguồn lực thực hiện các chương trình, đề án, dự án phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp xã phù hợp với phương án phát triển các ngành, lĩnh vực theo từng giai đoạn.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo tính tuân thủ, kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

- Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, điều kiện của quốc gia và thực tiễn tại địa phương.

- Đề cao và khuyến khích tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các sở, ban, ngành và địa phương trong triển khai thực hiện; đồng thời, nghiên cứu phát triển thêm những nhân tố mới, giải pháp mới hiệu quả để triển khai thực hiện hiệu quả Quy hoạch.

- Đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch này.

- Phát triển hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng lực cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế trên cơ sở khả năng nguồn nước. Cùng cố, xây dựng hạ tầng phòng, chống thiên tai nhằm chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên.

- Công trình hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai kết hợp, đồng bộ với công trình giao thông, công trình hạ tầng khác theo hướng phục vụ đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, có sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ giữa nội lực và ngoại lực để tạo thành nguồn lực tổng hợp tối ưu. Phát huy tốt vai trò dẫn dắt của đầu tư công để tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư và các nguồn vốn xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế và thực hiện có hiệu quả Quy hoạch. Việc phân bổ nguồn lực phải tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn và đảm bảo tính hiệu quả trong sử dụng vốn đầu tư. Trước mắt, cần tập trung tối đa nguồn lực thực hiện các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, có tính động lực cao, cấp bách và mang tính đòn bẩy để phát triển và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể; thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm cấp nước, tiêu, thoát nước cho dân sinh, sản xuất nông nghiệp, các ngành kinh tế và bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống thiên tai, giảm thiệt hại về người, tài sản của Nhân dân và Nhà nước do thiên tai, đồng thời khắc phục có hiệu quả sau thiên tai; góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển ở thượng nguồn các sông liên quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Về cấp nước:

- + Duy trì ổn định đảm bảo chất lượng và sản lượng nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; 100% hộ gia đình ở thành thị và 98% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung. Cấp đủ nước phục vụ sinh hoạt; cấp và tạo nguồn cấp nước cho nông thôn, đô thị, công nghiệp, khu kinh tế,... Chủ động nguồn nước tại chỗ cho sinh hoạt ở các khu vực bị ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; đối với một số vùng đặc biệt khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt tỷ lệ cấp nước tối thiểu đạt 70% - 96%; đảm bảo an ninh nguồn nước sinh hoạt trước các tác động ô nhiễm nguồn nước, sự cố ô nhiễm nguồn nước, khủng bố nguồn nước;

- + Hoàn thiện đồng bộ hệ thống công trình điều tiết nước, tích trữ nước; hoàn thành sửa chữa, đầu tư, nâng cấp công trình chuyển nước, kết nối nguồn nước từ hồ chứa, hệ thống thủy lợi đảm bảo cấp đủ nước cho người dân, sản xuất nông nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và mở rộng diện

tích tưới cho cây trồng cạn kết hợp nâng cao năng lực kiểm soát lũ của các công trình. Kiểm soát, phòng, chống tình trạng ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng tại một số lưu vực sông, hệ thống công trình thủy lợi lớn; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước;

- + Cấp nước tưới đảm bảo cho 90% diện tích lúa, nếp và cây trồng cạn (rau màu, cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm). Đảm bảo cấp đủ nước cho gia súc, gia cầm. Cấp nước và thoát nước chủ động cho nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung;

- + Quản lý, vận hành công trình tích trữ, điều tiết nguồn nước trên sông, kênh, rạch, hệ thống thủy lợi bị ô nhiễm, góp phần cải tạo môi trường, đảm bảo chất lượng nước đáp ứng yêu cầu sử dụng nước.

- Về tiêu, thoát nước: bảo đảm tiêu, thoát nước qua công trình thủy lợi cho khoảng 353.683 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp, thủy sản và diện tích đất đô thị, công nghiệp,... với tần suất mưa thiết kế 10%. Chủ động tiêu, thoát nước ra sông chính, tăng diện tích tiêu bằng động lực; duy trì diện tích chứa, điều hòa nước mưa, nhất là các khu đô thị, khu dân cư tập trung.

- Về phòng, chống lũ, ngập lụt và các loại hình thiên tai khác:

- + Giảm 30% thiệt hại đối với các loại hình thiên tai có cường độ, quy mô tương đương đã xảy ra trong những năm 2000, 2011, 2018 và hạn hán đầu năm 2020 trên địa bàn tỉnh; không để xảy ra thiệt hại về người do lũ, đông lốc và sạt lở đất bờ sông gây ra. Các đô thị đảm bảo chống lũ với tần suất 1%, các khu vực sản xuất cả năm chống lũ với tần suất 2%, các vùng khác chủ động chung sống với lũ;

- + Từng bước nâng cao năng lực phòng, chống lũ lụt, sạt lở đất, đông lốc và các loại hình thiên tai khác, đảm bảo an toàn tính mạng cho người dân và cơ sở hạ tầng.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

Củng cố, xây dựng hạ tầng phòng, chống thiên tai nhằm chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên nước. Tiếp tục duy trì, chủ động nguồn nước phục vụ cho người dân và phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm tất cả hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; dự báo, cảnh báo dài hạn phục vụ xử lý ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; xây dựng hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hoàn thiện thể chế, chính sách về nước đồng bộ, thống nhất liên ngành, liên vùng, bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước; ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong vận hành hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước. Cụ thể:

- Về cấp nước:

- + Cấp đủ nguồn nước phục vụ sinh hoạt với mức đảm bảo 100%; cấp và tạo nguồn cấp nước cho khu vực nông thôn, đô thị, công nghiệp, khu kinh tế, ... Chủ động cấp đủ nước cho sinh hoạt khi xảy ra hạn hán, thiếu nước xâm nhập mặn. Giải quyết dứt điểm nước sinh hoạt cho các vùng đặc biệt khó khăn về nguồn nước;

+ Cấp nước tưới chủ động cho toàn bộ diện tích lúa được tưới với tần suất đảm bảo tối thiểu 95%, chủ động với các kịch bản cực đoan, nâng cao tỷ lệ tưới tiết kiệm nước.

- Nâng diện tích cây trồng cạn được tưới lên 100% với tần suất đảm bảo tưới tối thiểu 95%. Đảm bảo cấp đủ nước cho gia súc, gia cầm. Cấp, thoát nước chủ động cho nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung.

+ Tiếp tục đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hoàn thiện đồng bộ hệ thống công trình tạo nguồn nước, điều tiết nước, tích trữ nước, chuyển nước, kết nối nguồn nước từ hồ chứa, hệ thống thủy lợi đảm bảo cấp đủ nước cho người dân, sản xuất nông nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và mở rộng diện tích tưới cho cây trồng cạn kết hợp nâng cao năng lực kiểm soát lũ của các công trình; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu;

+ Khắc phục hoàn toàn tình trạng ô nhiễm nguồn nước trên các sông, kênh, hệ thống thủy lợi.

- Về tiêu, thoát nước: Chủ động tiêu, thoát nước qua công trình thủy lợi cho cây trồng, thủy sản và diện tích đất đô thị, công nghiệp, nâng dần tần suất mưa thiết kế lên từ 5% đến 10%.

- Về phòng, chống lũ, ngập lụt và các loại hình thiên tai khác:

+ Tiếp tục nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người và tài sản của Nhân dân và Nhà nước; tạo điều kiện phát triển bền vững, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai; góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của địa phương;

+ Phân đầu hoàn thành xử lý sạt lở tại các khu vực trọng điểm xung yếu ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư tập trung, hệ thống đê điều (nhất là các tuyến đê cấp III đã được phân cấp), cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng ven sông.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Một số nhiệm vụ

a) Phân bổ tài nguyên nước

- Nguồn nước được phân bổ theo thứ tự ưu tiên: (1) Nước cho sinh hoạt; (2) Nước cho công nghiệp và dịch vụ; (3) Nước cho chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; (4) Nước tưới trong nông nghiệp.

- Trong mọi trường hợp, ưu tiên đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt; nguồn nước mặt là nguồn cung cấp chủ yếu cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; đối với các địa bàn thuộc khu vực khan hiếm nước, khó tiếp cận nguồn nước mặt thì khuyến khích tăng cường sử dụng nguồn nước mưa, giải pháp trữ nước mưa, nước mặt, cải tạo hệ thống thủy lợi.

b) Phân vùng và quản lý rủi ro ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai:

- + Phân vùng rủi ro do lũ: Các khu vực dễ bị tổn thương do lũ thuộc các địa phương ở đầu nguồn sông Cửu Long, vùng hạ lưu sông, vùng trũng thấp;
- + Phân vùng rủi ro do sạt lở đất: Các khu vực tiếp giáp sông Tiền và sông Hậu;
- + Phân vùng rủi ro do hạn hán, thiếu nước: Các khu vực dễ bị tổn thương của khô hạn thuộc vùng cao (khu vực Bảy Núi) và khu vực thiếu nước cục bộ;
- + Phân vùng rủi ro do xâm nhập mặn: Khu vực nội đồng tiếp giáp các tuyến kênh: kênh ranh Tri Tôn-Kiên Giang (kênh Vĩnh Tế - kênh Tám Ngàn và kênh Tri Tôn - ranh Thoại Sơn), kênh Ninh Phước 2, kênh ranh Thoại Sơn - Kiên Giang (Xã Diều), gần khu vực cửa các sông tiếp giáp biển Tây;
- + Phân vùng rủi ro do cháy rừng: Khoanh vùng trọng điểm cháy rừng tập trung chủ yếu ở khu vực có rừng trên địa bàn tỉnh.
- Quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:
 - + Xây dựng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, các hệ thống cảnh báo, dự báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu;
 - + Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh;
 - + Chuyển đổi các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu; tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro trong nông nghiệp;
 - + Thường xuyên củng cố, tu sửa, tu bổ, nâng cấp và xây dựng các công trình phòng chống thiên tai; bảo đảm an toàn hồ, đập;
 - + Chủ động ứng phó và thích nghi với biến đổi khí hậu bằng các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng nền kinh tế các - bon thấp, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp;
 - + Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của toàn dân; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho các hoạt động rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Tạo nguồn, tích trữ, điều hòa nguồn nước

- Sửa chữa các hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp; khôi phục đảm bảo dung tích hồ theo thiết kế và nâng dung tích trữ của một số hồ chứa nước hiện có để chủ động nguồn nước tại chỗ cho các vùng còn tiềm năng; xây dựng mới các hồ chứa nước, cống, trạm bơm phục vụ đa mục tiêu, ưu tiên cho các vùng khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng.
- Xây dựng các công trình kết nối, điều hòa, liên kết, chuyển nước, tiến tới hình thành mạng lưới liên kết nguồn nước liên tỉnh, liên vùng, liên lưu vực, quốc gia.
- Phát triển hệ thống hồ chứa nhỏ, phân tán, công trình trữ nước quy mô hộ gia đình để cấp nước sinh hoạt, sản xuất tại các vùng khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

- Đầu tư xây dựng các công trình lấy nước từ hệ thống công trình thủy lợi cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và mở rộng diện tích tưới cho cây trồng cận kết hợp nâng cao năng lực kiểm soát lũ của các công trình; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Điều tiết hiệu quả các hồ chứa đảm bảo an toàn công trình, chủ động phòng lũ cho hạ du theo quy định; khai thác hiệu quả nguồn nước các hồ để cấp nước sinh hoạt, sản xuất tại các vùng khan hiếm nước.

- Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống quan trắc, vận hành công trình thủy lợi; thực hiện giải pháp tiết kiệm nước, tái sử dụng nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

- Lập, điều chỉnh bổ sung quy trình vận hành đập, hồ chứa nước và các hệ thống thủy lợi. Rà soát, xây dựng cơ chế quản lý, phối hợp cụ thể về quy trình vận hành khai thác đáp ứng hài hòa lợi ích của nhà nước, người dân và doanh nghiệp đối với các hệ thống thủy lợi.

- Duy trì, bảo vệ, phát triển và nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ.

d) Phát triển các hệ thống thủy lợi (đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo)

Nâng cao hiệu quả, năng lực của các công trình hiện có, trong đó tập trung nâng cấp công trình đầu mối, hệ thống kênh chính, bổ sung đầu tư mới các công trình thuộc hệ thống, tăng khả năng tự làm sạch, cải thiện chất lượng nước, phòng, chống ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm khôi phục, duy trì và nâng cao năng lực phục vụ của các hệ thống thủy lợi, góp phần đồng bộ với kết cấu hạ tầng các ngành. Cụ thể:

- Phát triển hệ thống công trình thủy lợi phù hợp với phương án phân vùng, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch vùng. Chủ động các giải pháp thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, sạt lở bờ sông, lũ, triều cường, suy thoái dòng chảy thượng lưu; kịp thời bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Xây dựng hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, an ninh nguồn nước. Thực hiện kiểm soát lũ xuyên biên giới thông qua nạo vét kênh rạch, tăng khả năng thoát lũ; đồng thời, thực hiện chức năng trữ nước, cấp nước chủ động, chia sẻ nguồn nước và chuyển đổi sinh kế bền vững ở các tiểu vùng sinh thái khác nhau.

- Lồng ghép các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch số 93-KH/TU ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm

2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh An Giang. Triển khai thực hiện các dự án, chương trình quan trọng để chủ động cấp, thoát nước (phòng, chống thiên tai) trên địa bàn tỉnh như: Hệ thống thủy lợi phục vụ nông nghiệp, phát triển nông thôn vùng Bắc Vàm Nao; kiểm soát lũ Nam Vàm Nao; hệ thống các hồ chứa nước vùng núi; hệ thống hồ trữ ngọt gắn với hạ tầng thủy lợi phục vụ liên kết sản xuất tiêu vùng Tứ giác Long Xuyên; xây dựng mới hồ chứa nước ở vùng cao phục vụ đa mục tiêu; nâng cấp, cải tạo các tuyến kênh trục vùng Tứ giác Long Xuyên; kè chống sạt lở bờ sông Hậu bảo vệ thành phố Long Xuyên; kè chống sạt lở bảo vệ thành phố Châu Đốc thích ứng với biến đổi khí hậu; kè Cái Sắn Mỹ Thạnh; các kè xử lý sạt lở bờ sông, kênh trên địa bàn tỉnh An Giang gắn với hạ tầng dân cư,...

đ) Khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước

- Nạo vét kênh, rạch nhằm tăng lưu lượng cấp nước; đồng thời, thực hiện chức năng trữ nước, cấp nước chủ động, chia sẻ nguồn nước. Nâng cấp, xây dựng mới các trạm bơm lấy nước trên dòng chính các sông, kênh rạch trong mùa khô tại một số vùng do mực nước bị hạ thấp.

- Tổ chức quản lý, vận hành các công trình công, hồ chứa nước nhằm tích trữ, điều tiết, sử dụng hiệu quả nguồn nước từ các kênh, rạch, hồ chứa nước bảo đảm duy trì mực nước cho hoạt động của các công trình thủy lợi lấy nước phục vụ sản xuất, dân sinh.

e) Cấp nước sinh hoạt

Đầu tư xây dựng hệ thống các công trình cấp nước, tạo nguồn, dẫn nguồn cấp nước ổn định cho sinh hoạt, hoàn thiện các công trình cấp nước tập trung nông thôn, ưu tiên cho khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán (*khu vực vùng cao miền núi*), khu vực có khả năng ảnh hưởng của xâm nhập mặn (*khu vực giáp các tuyến kênh: kênh ranh Thoại Sơn - Kiên Giang, kênh ranh Tri Tôn - Kiên Giang, kênh Ninh Phước 2*), khu vực có nguy cơ ảnh hưởng của lũ, ngập lụt (*khu vực đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu có cao độ địa hình đất tự nhiên trũng thấp*). Nâng cấp, sửa chữa, kết hợp với quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng nhằm phát huy hiệu quả, hoạt động bền vững của công trình; ưu tiên lấy nước từ hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa để bảo đảm nguồn nước an toàn, ổn định. Rà soát, điều chỉnh, kết nối liên thông giữa hệ thống cấp nước sinh hoạt đô thị và nông thôn vùng ven các khu đô thị, khu dân cư tập trung.

g) Tiêu, thoát nước và chống ngập úng

- Tập trung tiêu, thoát nước ra sông, kênh trục chính, tăng diện tích tiêu bằng tự chảy, động lực. Phân vùng tiêu phù hợp, khép kín hệ thống đê bao, bờ bao kết hợp sử dụng các cống điều tiết, trạm bơm hỗ trợ tiêu thoát nước tại các khu vực trũng thấp thường xuyên bị ngập lụt, úng.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực tiêu, thoát nước, xây mới các cống, trạm bơm đầu mối và nạo vét các sông, kênh, rạch kết hợp giao thông thủy phục vụ tiêu, thoát nước cho khu dân cư tập trung, đô thị, công nghiệp, vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm.

- Bổ sung, nâng cấp hệ thống trữ nước; duy trì tỷ lệ diện tích mặt nước tạo hồ điều hòa phù hợp, bảo vệ diện tích trữ nước tự nhiên, dành không gian cho nước nhằm giảm áp lực ngập, lụt, úng, kết hợp tạo cảnh quan, môi trường.

- Nghiên cứu giải pháp tiêu, thoát nước thời đoạn ngắn cho cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày, giải pháp phòng chống ngập lụt, úng cho các khu công nghiệp, đô thị có tính đến quản lý rủi ro.

h) Phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình tạo nguồn nước, tích trữ nước, điều tiết, cân đối nước, cấp nước tại chỗ; sử dụng nước từ hệ thống thủy lợi, hồ chứa nước,... phục vụ cấp nước sinh hoạt trong trường hợp xảy ra thiên tai, hạn hán, thiếu nước xâm nhập mặn, phòng cháy chữa cháy rừng,...(Dự án Hệ thống thủy lợi vùng cao thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp cho đồng bào vùng Bảy Núi; đầu tư công trình điều tiết, nạo vét các trục kênh để chủ động trữ nước, tạo nguồn nước đáp ứng yêu cầu sinh hoạt, sản xuất).

- Triển khai xây dựng kế hoạch sử dụng nước, dự báo nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh. Bố trí cơ cấu sản xuất, chuyển dịch thời vụ phù hợp với điều kiện nguồn nước; rà soát chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả tại vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán (*khu vực vùng cao miền núi*), vùng có khả năng ảnh hưởng của xâm nhập mặn (*khu vực giáp các tuyến kênh: kênh ranh Thoại Sơn - Kiên Giang, kênh ranh Tri Tôn - Kiên Giang, kênh Ninh Phước 2*) sang các loại cây trồng khác hoặc loại hình sản xuất phù hợp.

i) Phòng, chống lũ, ngập lụt và các loại hình thiên tai khác

- Hạ tầng phòng chống lũ: Thực hiện các dự án tu bổ, nâng cấp hệ thống đê chống lũ, kiểm soát lũ, tăng cường khả năng thoát lũ; tăng cường trồng cây phân tán, rừng phòng hộ; triển khai các dự án thoát nước tại các đô thị.

- Hạ tầng phòng chống sạt lở bờ sông: Thực hiện các công trình phòng, chống sạt lở bảo vệ khu đô thị, khu dân cư tập trung có nguy cơ sạt lở; đề xuất các khu vực thực hiện các công trình chỉnh trị dòng chảy sông, rạch nhằm giữ ổn định tỷ lệ phân lưu, ổn định dòng chảy, hình thái sông, bờ sông tại các khu vực trọng điểm, khu vực sông có diễn biến bồi, xói phức tạp; xây dựng các khu dân cư phục vụ di dời dân ra khỏi những khu vực sạt lở, khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông.

- Nghiên cứu quy định tần suất bảo vệ phù hợp cho các sông, kênh vừa và nhỏ, các khu vực thượng nguồn các lưu vực sông.

- Kiểm soát xây dựng công trình qua sông, kênh rạch, vùng ngập lũ để đảm bảo khẩu độ thoát lũ; quản lý chặt chẽ việc sử dụng bãi sông, xây dựng cơ sở hạ tầng, khai thác cát trên sông, khắc phục tình trạng lấn chiếm hoặc vi phạm phạm vi bảo vệ các sông, kênh, rạch,... đảm bảo không gian trữ, thoát lũ,... Xử lý công trình lấn chiếm hoặc vi phạm phạm vi bảo vệ các sông, kênh, rạch,... đảm bảo khẩu độ tiêu thoát nước.

- Xây dựng, triển khai giải pháp quản lý rủi ro thiên tai; kịch bản, kế hoạch chủ động ứng phó, thích ứng với các tình huống cực đoan, bảo đảm an toàn cho người dân, từng bước sắp xếp, di dời dân cư tại khu vực không bảo đảm an toàn ven sông, ven kênh rạch, nơi thường xuyên ngập lụt, nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ, sạt lở đất; nghiên cứu và xây dựng hệ thống cảnh báo, công trình phòng chống lũ, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao...

- Bố trí cơ cấu sản xuất, chuyển dịch thời vụ phù hợp với điều kiện tự nhiên vùng; rà soát chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác hoặc loại hình sản xuất phù hợp với vùng thường xuyên ngập lũ, ngập lụt (*khu vực đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu có cao độ địa hình đất tự nhiên trũng thấp*).

2. Giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch

a) Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Rà soát, sửa đổi hoàn thiện một số cơ chế chính sách đặc thù để huy động mọi nguồn lực trong lĩnh vực đầu tư, quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn, công trình phòng, chống thiên tai.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế tăng cường phân cấp trong công tác đầu tư, quản lý hệ thống thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; tưới cho cây trồng cạn, cấp nước sinh hoạt nông thôn, phòng, chống thiên tai; triển khai hiệu quả chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

- Xây dựng cơ chế chính sách huy động hiệu quả nguồn lực để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai từ Quỹ phòng, chống thiên tai.

b) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Rà soát, đánh giá nguồn nhân lực ngành thủy lợi hiện có, xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng đối tượng tham gia, đào tạo đa ngành, đa nghề; chú trọng nâng cao năng lực quản trị, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo.

- củng cố, kiện toàn các tổ chức quản lý, khai thác để vận hành, khai thác hiệu quả và bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi; củng cố, nâng cao năng lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết theo tiêu chuẩn, định mức cho cơ quan quản lý đê điều, phòng chống thiên tai các cấp; tổ chức quản lý, hộ đê đảm bảo an toàn hệ thống đê điều, công trình phòng, chống thiên tai.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo chuyên sâu, chuyên ngành về quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai gắn với chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại.

- Thực hiện các chương trình đào tạo nhân lực trong lĩnh vực chuyển đổi số, ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số trong quản lý, đầu tư hạ tầng và dịch vụ công trong lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý, nghiên cứu khoa học, thiết kế, xây dựng và quản lý, khai thác công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai; tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho tổ chức thủy lợi cơ sở, bồi dưỡng tay nghề cho người lao động trực tiếp tham gia vận hành công trình.

- Thực hiện chính sách đãi ngộ phù hợp, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động thủy lợi, phòng, chống thiên tai, hình thành đội ngũ chuyên gia ở địa phương.

c) Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Tích cực tham gia ý kiến, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu và các tác động từ bên ngoài.

- Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai; nâng cao năng lực quan trắc, cảnh báo lũ, lũ quét, lụt, hạn hán, thiếu nước, sạt lở; ứng dụng khoa học công nghệ, vật liệu mới trong thiết kế, xây dựng công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai.

- Ứng dụng công nghệ số, hạ tầng quản trị số, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh vào chỉ đạo điều hành, quản lý, khai thác, vận hành hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

- Triển khai nghiên cứu, phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo để sử dụng nước tiết kiệm, an toàn, tuần hoàn, tái sử dụng nước; quản lý nhu cầu sử dụng nước, đẩy mạnh áp dụng công nghệ, biện pháp tưới tiết kiệm nước, tăng hiệu quả sử dụng nước, giảm phát thải khí nhà kính.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong phục hồi nguồn nước tại các hệ thống thủy lợi bị ô nhiễm; bảo vệ môi trường nước, kiểm soát chất lượng nước, quản lý, xử lý hiệu quả nguồn gây ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi.

d) Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền

- Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, quản lý khai thác công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai, phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan.

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, lồng ghép vào một số chương trình giảng dạy. Nhân rộng, phổ biến những mô hình hiệu quả trong quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai.

đ) Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin, chính sách, chuyển giao công nghệ trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai; huy động nguồn lực quốc tế cho công tác thủy lợi, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đồng thời, tranh thủ vận động hỗ trợ các tổ chức quốc tế trong phòng, chống thiên tai, thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế mà tỉnh đã ký kết với đối tác nước ngoài liên quan đến lĩnh vực Phòng chống thiên tai và thủy lợi, ứng phó với biến đổi khí hậu; phối hợp với cơ quan trung ương thực hiện hiệu quả các cam kết, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia.

e) Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để xây dựng các công trình có quy mô lớn, phục vụ đa mục tiêu, có tác động liên vùng, liên tỉnh, công trình tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng thường xuyên chịu tác động hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng; giải quyết các vấn đề cấp bách trong phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

- Khuyến khích và đẩy mạnh huy động các nguồn xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển, vận hành, khai thác hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động các nguồn lực (ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách, vốn tín dụng, Quỹ phòng chống thiên tai,...) tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy hoạch và thể chế hóa các giải pháp về phân cấp, phân quyền huy động nguồn lực.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư đảm bảo hiệu quả, minh bạch, phù hợp với các nguồn lực theo phân kỳ quy hoạch.

g) Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện.

- Phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện quy hoạch giữa trung ương và địa phương, bảo đảm các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch tỉnh phải tuân thủ các định hướng của Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phối hợp giữa các bộ, ngành, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp để giám sát thực hiện các vấn đề liên ngành, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch.

- Kiểm tra, giám sát định kỳ thực hiện quy hoạch để bảo đảm quy hoạch được thực hiện đúng quy định; phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát thực hiện quy hoạch.

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Căn cứ Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện Quy

hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022, xây dựng và ban hành Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo thống nhất và đồng bộ với các quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; tổ chức xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp xã phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan đảm bảo sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững tài nguyên đất đai với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh.

Xây dựng kế hoạch sử dụng đất bảo đảm tuân thủ các chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ trên địa bàn tỉnh theo từng thời kỳ và phù hợp với hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; trong đó, cần đảm bảo nguyên tắc sau:

- Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 của địa phương và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công, thu hút đầu tư; bảo đảm quỹ đất cho mục đích quốc phòng, an ninh.

- Bảo vệ, quản lý chặt chẽ quỹ đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên; kế hoạch sử dụng đất phải được phân kỳ hợp lý, đảm bảo việc triển khai đồng bộ, chú trọng các giải pháp để thực hiện hiệu quả.

- Bố trí quỹ đất để bảo đảm thực hiện các chương trình, dự án đã có kế hoạch bố trí vốn đầu tư công, nhất là các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án kết nối liên vùng, hạ tầng giao thông có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc bố trí quỹ đất phải dựa trên cơ sở rà soát các quy hoạch có sử dụng đất, định hướng việc phân kỳ đầu tư để tổ chức triển khai thực hiện các công trình, dự án đảm bảo hiệu quả sử dụng đất, tránh lãng phí nguồn lực đất đai nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

- Xác định và khoanh định các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt như khu vực chuyên canh, khu vực có tiềm năng đất đai cho mục đích trồng lúa, lợi thế về điều kiện thủy lợi cho phát triển đất trồng lúa, năng suất cao.

- Bảo tồn đa dạng sinh học, nguồn sinh thủy, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên; quốc phòng, an ninh; khu vực di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Trường hợp có chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, khu vực định hướng quy

hoạch đầu tư giai đoạn trong các quy hoạch được phê duyệt trước đây có sự sai khác so với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, Quy hoạch tỉnh thì thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất, định hướng quy hoạch đầu tư giai đoạn của Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi và Quy hoạch tỉnh.

Tổng nhu cầu sử dụng đất để triển khai Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (phù hợp theo Phụ lục XXII Quy hoạch tỉnh) khoảng 18.547 ha; trong đó: đất để đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các công trình phòng, chống thiên tai và thủy lợi là 11.242 ha; đất rừng là 8.590 ha (rừng phòng hộ 7.305 ha, rừng đặc dụng 1.285 ha).

V. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH THAM MƯU THỰC HIỆN

Để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, sớm đạt được các mục tiêu Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao căn cứ vào các nội dung trong Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Kế hoạch này chủ động tập trung tham mưu triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Triển khai thực hiện các nội dung theo quy hoạch được duyệt. Phối hợp Sở Tài chính, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan tham mưu hoàn thiện bản đồ nông hóa phục vụ thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên nước, tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp và đất sử dụng cho công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai tỉnh An Giang.

- Hướng dẫn, phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan đẩy mạnh quá trình tập trung đất đai, xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản tập trung quy mô lớn tại các địa phương phù hợp với định hướng Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, Quy hoạch tỉnh được duyệt.

- Tập trung quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Bảo tồn hệ sinh thái rừng gắn với công tác trồng rừng ở những nơi có điều kiện; đầu tư bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ; xây dựng hình thành các vùng rừng nguyên liệu, hỗ trợ các doanh nghiệp trong sản xuất lâm nghiệp phục vụ chế biến và xuất khẩu.

- Tham mưu đầu tư hoàn thiện hệ thống đê, kè, các công trình thủy lợi, công trình cấp nước nông thôn, công trình phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy hoạch, tập trung vào các khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu như các tuyến đê, kè sung yếu; đầu tư hoàn thiện các

phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục rà soát, đánh giá hiện trạng các khu vực có khả năng cao về sạt lở để tham mưu giải pháp di dời, bố trí sắp xếp dân cư bảo đảm an toàn.

- Hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp xã thời kỳ 2021-2030 (thay thế cấp huyện) và lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm nhằm đảm bảo điều kiện pháp lý triển khai các dự án đầu tư đảm bảo thực hiện Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh An Giang.

- Trong quá trình thẩm định, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của địa phương, của ngành nếu xét thấy các nhu cầu sử dụng đất cho công trình thủy lợi và phòng, chống thiên tai không đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển theo định hướng của Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh thì chủ động tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh An Giang theo hướng tăng chỉ tiêu đất công trình thủy lợi và phòng, chống thiên tai để đảm bảo đủ không gian phát triển nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, định hướng theo Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

- Rà soát, xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch, dự án thuộc các lĩnh vực có liên quan trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tuân thủ các định hướng phát triển hạ tầng mang tính thống nhất, đồng bộ giữa Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với Quy hoạch tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được giao tại Kế hoạch theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước; bố trí nguồn vốn đầu tư công, ưu tiên cho các chương trình, dự án được duyệt kèm theo Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh An Giang.

3. Sở Xây dựng

- Phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Công khai, minh bạch thông tin về quy hoạch xây dựng.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương rà soát có giải pháp đảm bảo tiêu thoát nước, chống ngập úng cho các khu đô thị nhằm hoàn chỉnh hạ tầng tiêu, thoát nước, phòng chống ngập úng từ nội thị ra ngoài.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện các quy hoạch trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường thủy và quy hoạch thủy lợi, phòng chống thiên tai, nhằm kết hợp đa mục tiêu, hạn chế các tác động tiêu cực khi xây dựng công trình giao thông và công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai (cầu kết hợp với cống; đường kết hợp với đê, bờ kênh; công trình phòng chống sạt lở, công trình chỉnh trị sông,...).

- Tổ chức rà soát, từng bước cấm mốc lộ giới các tuyến đường tỉnh theo quy hoạch; phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu đầu tư xây dựng các tuyến đường tỉnh, đặc biệt là các tuyến mở mới để cụ thể hóa định hướng tổ chức không gian phát triển đã được xác định trong quy hoạch tỉnh; các tuyến đường kết nối nút giao cao tốc với các trung tâm kinh tế động lực, các đô thị trên địa bàn tỉnh. Trong đó, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương đánh giá các tác động về môi trường; phòng, chống thiên tai và thủy lợi để có giải pháp thực hiện đồng bộ giữa Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với Quy hoạch tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ số, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh trong quy hoạch, thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

- Ứng dụng vật liệu mới trong thiết kế, xây dựng công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo bền vững; Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong tưới tiêu, cấp nước, sử dụng nước hiệu quả nhằm thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu, đảm bảo sinh kế bền vững, giảm thiệt hại cho sản xuất, nhất là ngành nông nghiệp.

- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh về an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước; phòng, chống thiên tai và thủy lợi.

5. Sở Nội vụ

Theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các cơ chế chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

6. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với Điện lực An Giang và các sở, ban, ngành và địa phương ưu tiên cấp điện cho hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo công tác quản lý vận hành công trình phòng chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt và đảm bảo cấp nước sinh hoạt.

7. Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đến các cấp, các ngành và người dân trên địa bàn tỉnh.

8. Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Thủy lợi An Giang

- Rà soát đánh giá lại các yêu cầu nâng cấp sửa chữa và xây dựng kế hoạch đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn thực hiện hàng năm các công trình thuộc nhiệm vụ quản lý, vận hành, để đảm bảo vận hành đồng bộ với các công trình trong toàn hệ thống. Đồng thời, rà soát lại nguồn nhân lực và đề xuất yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức quản lý vận hành tích trữ, điều tiết nước tại các hệ thống công trình thủy lợi: Tứ giác Long Xuyên, Bắc Vàm Nao, Nam Vàm Nao, Đông sông Hậu,... chủ động cấp nước tưới, tiêu, kiểm soát lũ bảo vệ sản xuất.

- Tổ chức triển khai, ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện phát triển hệ thống trạm bơm điện phục vụ tưới, tiêu trên địa bàn tỉnh An Giang phù hợp với Quy hoạch; đảm bảo an toàn, tiết kiệm điện; đáp ứng nhu cầu sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, phòng tránh và giảm nhẹ tác động của thiên tai và sử dụng lâu dài, hiệu quả.

9. Công an tỉnh

- Chủ động nắm tình hình công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển bền vững lĩnh vực phòng, chống thiên tai và thủy lợi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các phương án, kế hoạch công tác Công an tham gia bảo đảm thực hiện Quy hoạch, nhất là liên quan đến các công trình quan trọng đặc biệt, công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia về nguồn nước, đập, hồ chứa nước.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương kiểm tra, xử lý lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, xả thải, ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi; quản lý chặt chẽ việc sử dụng bãi sông, xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ đê điều đảm bảo không gian thoát lũ; tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật,...

- Phối hợp với các đơn vị chức năng thẩm định các chương trình, đề tài, dự án hợp tác quốc tế, đầu tư nước ngoài vào địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh; xử lý kịp thời các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự trong quá trình thực hiện các đề tài, dự án, chương trình thuộc Quy hoạch.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng phát triển của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức rà soát, đánh giá lại các chương trình, đề án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các chương trình, đề án, chính sách để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu rà soát, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp xã thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất hằng năm phù hợp với Quy hoạch tỉnh.

- Bố trí nguồn vốn địa phương để sửa chữa, nâng cấp các công trình thuộc phạm vi quản lý hàng năm, để đảm bảo vận hành đồng bộ với các công trình trong toàn hệ thống; tuyên truyền và quán triệt sâu rộng đến cán bộ và Nhân dân trong vùng về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức cho Nhân dân thảo luận để đạt được sự đồng thuận của người dân về thực hiện các chương trình, dự án nhằm hiện đại hóa hệ thống thủy lợi và đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Rà soát các quy hoạch xây dựng vùng xã, phường để lập mới hoặc đề xuất điều chỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch tỉnh; trọng tâm là cụ thể hóa các nội dung đã được nêu trong phương án quy hoạch xây dựng và phát triển các vùng xã, phường.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch.

Tổng chi phí xây dựng cho cả ba giai đoạn: **25.003.001 triệu đồng** (Bằng chữ: Hai mươi lăm nghìn không trăm lẻ ba tỷ không trăm lẻ một triệu đồng). Trong đó:

- Giai đoạn đầu tư từ năm 2021 đến 2025 (nguồn vốn của các dự án đã được Tỉnh đầu tư): **3.972.284 triệu đồng** (Bằng chữ: Ba nghìn chín trăm bảy mươi hai tỷ hai trăm tám mươi bốn triệu đồng):

+ Nguồn vốn trung ương: 2.627.832 triệu đồng;

+ Nguồn vốn địa phương: 1.344.452 triệu đồng.

- Giai đoạn đầu tư từ năm 2026 - 2030 dự kiến: **11.720.000 triệu đồng** (Bằng chữ: Mười một nghìn bảy trăm hai mươi nghìn tỷ đồng):

+ Nguồn vốn trung ương: 9.000.000 triệu đồng;

+ Nguồn vốn địa phương: 2.720.000 triệu đồng.

- Giai đoạn đầu tư sau năm 2030 dự kiến: **9.310.717 triệu đồng** (Bằng chữ: Chín nghìn ba trăm mười nghìn tỷ bảy trăm mười bảy triệu đồng):

+ Nguồn vốn trung ương: 4.724.017 triệu đồng;

+ Nguồn vốn địa phương: 4.586.700 triệu đồng.

2. Đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao hỗ trợ, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với tỉnh nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để

thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh.

3. Trên cơ sở những nhiệm vụ và nội dung Kế hoạch này, theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực được giao quản lý, phụ trách, Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các chương trình, đề án, kế hoạch triển khai thực hiện đồng bộ Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với Quy hoạch tỉnh. Trong đó, xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, hoàn thành; trọng tâm là các danh mục các dự án, công trình nêu tại các Phụ lục kèm theo Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và các Phụ lục đính kèm Kế hoạch này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trong quý IV năm 2025.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày **20 tháng 10 hằng năm** để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 31 tháng 10 hằng năm**.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ, đột xuất tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này, kịp thời báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, trường hợp có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Đài PTTH An Giang; Báo An Giang;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP, P.KTĐT;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy